

TRƯỜNG THCS&THPT XUÂN TRƯỜNG
TỔ TOÁN – TIN - NTQP

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK2 - MÔN TIN HỌC KHỐI 12
NĂM HỌC : 2022-2023

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong CSDL QuanLi_HS, để tìm các học sinh nữ có địa chỉ ở Lâm Đồng, ta sử dụng biểu thức lọc nào sau đây

- A. GT= [Nữ] AND DiaChi = [Lâm Đồng] B. GT: “Nữ” NOT DiaChi = “Lâm Đồng ”
C. [GT]= “Nữ” OR [DiaChi] = “Lâm Đồng” D. [GT]= “Nữ” AND [DiaChi] = “Lâm Đồng”

Câu 2: Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần phải

- A. thường xuyên sao chép dữ liệu.
B. nhận dạng người dùng bằng mã hoá.
C. thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm.
D. thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống bảo vệ

Câu 3: Để tạo biểu mẫu, trước đó phải có dữ liệu nguồn từ:

- A. Bảng hoặc báo cáo B. Bảng hoặc mẫu hỏi
C. Mẫu hỏi hoặc báo cáo D. Mẫu hỏi hoặc biểu mẫu

Câu 4: Khái niệm nào dưới đây KHÔNG dùng để mô tả các yếu tố tạo thành mô hình CSDL?

- A. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu. B. Các ràng buộc dữ liệu.
C. Cách tổ chức, lưu trữ dữ liệu. D. Cấu trúc dữ liệu.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Có thể sử dụng bảng ở chế độ trang dữ liệu để cập nhật dữ liệu trực tiếp.
B. Việc cập nhật dữ liệu trong biểu mẫu thực chất là cập nhật dữ liệu trên bảng dữ liệu nguồn.
C. Khi tạo biểu mẫu để nhập dữ liệu thì mỗi biểu mẫu chỉ nhập dữ liệu được cho một bảng.
D. Việc nhập dữ liệu bằng cách sử dụng biểu mẫu sẽ thuận tiện hơn, nhanh hơn, ít sai sót hơn.

Câu 6: Phát biểu nào dưới đây SAI?

- A. Khóa của một quan hệ là tập thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các bộ có trong quan hệ đó.
B. CSDL được xây dựng trên mô hình dữ liệu quan hệ được gọi là CSDL quan hệ.
C. Trong mô hình quan hệ không thể xóa dữ liệu của bản ghi trong một bảng.
D. Trong mô hình quan hệ, khi thao tác trên dữ liệu có thể cập nhật dữ liệu như thêm, xóa hay sửa bản ghi trong một bảng.

Câu 7: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khóa chính hơn vì

- A. trường SOBH là trường ngắn hơn.
B. trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất.
C. trường SOBH đứng trước trường HOTEN.
D. trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số.

Câu 8: Biểu thức [NoiSinh] = “LÂM ĐỒNG” and [Diem TB] >= 7.0 thuộc loại:

- A. Biểu thức số học B. Phép toán C. Toán hạng D. Biểu thức logic

Câu 9: Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách dùng thuật sĩ, ta chọn

- A. Create form in using Wizard. B. Create /Form Design.
C. Create form with using Wizard. D. Create /form Wizard.

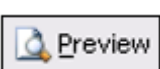
Câu 10: Trong Access, nút lệnh  có chức năng nào sau đây?

- A. Thêm bảng làm dữ liệu nguồn cho mẫu hỏi B. Thêm hàng Total vào lưới thiết kế
C. Xem kết quả thực hiện mẫu hỏi D. Tính tổng các bản ghi theo điều kiện nào đó

Câu 11: Để thêm hàng Total vào lưới thiết kế QBE, ta nháy vào nút lệnh:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 12: Khi đang trong chế độ thiết kế, để xem kết quả của báo cáo, ta có thể nháy nút nào sau đây?

- A.  Design B.  Preview C.  D. 

Câu 13: Quan sát và cho biết ý nghĩa của mẫu hỏi sau:

Field:	To	TB Toán: Toán	TB Văn: Văn
Table:	Hoc_Sinh	Hoc_Sinh	Hoc_Sinh
Total:	Group By	Avg	Avg
Sort:	Ascending		
Show:	☒	☒	☒
Criteria:			
or:			

- A. Thống kê điểm cao nhất của điểm Toán và điểm Văn
- B. Tính trung bình điểm Toán và điểm Văn theo từng tổ
- C. Thống kê số lượng học sinh học môn Toán và môn Văn theo từng tổ
- D. Sắp xếp theo thứ tự tăng dần của điểm Toán và điểm Văn

Câu 14: Thông thường, người dùng muốn truy cập vào hệ CSDL cần cung cấp

- A. chữ ký.
- B. hình ảnh.
- C. tên tài khoản và mật khẩu.
- D. họ tên người dùng.

Câu 15: Phương án nào dưới đây thể hiện các bước xác định và khai báo cấu trúc bảng?

- A. Đặt tên trường → Chọn kiểu dữ liệu → mô tả trường và các tính chất của trường.
- B. Chọn kiểu dữ liệu → mô tả trường và các tính chất của trường → Đặt tên trường.
- C. Đặt tên trường → mô tả trường và các tính chất của trường → chọn kiểu dữ liệu.
- D. Chọn kiểu dữ liệu → Đặt tên trường → mô tả trường và các tính chất của trường.

Câu 16: Khi cần in dữ liệu theo một mẫu cho trước, cần sử dụng đối tượng

- A. Mẫu hỏi
- B. Báo cáo
- C. Bảng
- D. Biểu mẫu

Câu 17: Cơ sở giáo dục KHÔNG quản lý thông tin nào dưới đây?

- A. học sinh, môn học và kết quả học tập.
- B. ban liên lạc hội cha mẹ học sinh.
- C. cán bộ, giáo viên của trường.
- D. khách du lịch đến địa phương.

Câu 18: Trong một trường THPT có xây dựng một CSDL quản lý điểm của Học Sinh. Người Quản trị CSDL đã phân quyền truy cập cho các đối tượng truy cập vào CSDL. Theo em, cách phân quyền nào dưới đây hợp lý?

- A. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung; BGH: Xem, sửa, xoá.
- B. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem.
- C. HS: Xem, Xoá; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung, sửa, xoá.
- D. HS: Xem; GVBM: Xem, Bổ sung, sửa, xoá; BGH: Xem, Bổ sung.

Câu 19: Truy vấn dữ liệu KHÔNG thực hiện công việc nào dưới đây?

- A. Chọn các trường để hiển thị, thực hiện tính toán, tính tổng điểm, tổng.
- B. Sắp xếp các bản ghi.
- C. Chọn các bản ghi thỏa mãn điều kiện cho trước.
- D. Định dạng theo mẫu và in dữ liệu.

Câu 20: Để nhận dạng người dùng khi đăng nhập vào CSDL, ngoài mật khẩu người ta còn dùng các cách nhận dạng nào sau đây?

- A. Âm thanh
- B. Chứng minh nhân dân.
- C. Giọng nói, dấu vân tay, võng mạc, chữ ký điện tử.
- D. Hình ảnh.

Câu 21: Bảng phân quyền cho phép

- A. phân các quyền truy cập đối với người dùng.
- B. giúp người quản lý xem được các đối tượng truy cập hệ thống.
- C. đếm được số lượng người truy cập hệ thống.
- D. giúp người dùng xem được thông tin CSDL.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây KHÔNG là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng.
- B. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau.
- C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là không quan trọng.
- D. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức hợp.

Câu 23: Khái niệm nào dưới đây KHÔNG dùng để mô tả các yếu tố tạo thành mô hình CSDL?

- A. Các ràng buộc dữ liệu.
- B. Cách tổ chức, lưu trữ dữ liệu.
- C. Cấu trúc dữ liệu.
- D. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu.

Câu 24: Phát biểu nào dưới đây không phải là bảo mật thông tin trong hệ CSDL?

- A. Ngăn chặn các truy cập không được phép.

- B. Hạn chế tối đa các sai sót của người dùng.
- C. Đảm bảo thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn.
- D. Không chế số người sử dụng CSDL

Câu 25: Để thêm bảng làm dữ liệu nguồn cho mẫu hỏi, ta nháy nút lệnh:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 26: Chọn các phát biểu *sai* trong các phát biểu dưới đây?

- A. Hiệu quả bảo mật phụ thuộc rất nhiều vào các chủ trương, chính sách của chủ sở hữu thông tin và ý thức của người dùng.
- B. Bảo mật hạn chế được thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn.
- C. Có thể thực hiện bảo mật bằng giải pháp phần cứng.
- D. Hiệu quả của bảo mật chỉ phụ thuộc vào hệ QTCSDL và chương trình ứng dụng.

Câu 27: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn - trả	
		Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO - 012	5 - 9 - 2007	30 - 9 - 2007
TV-04	TN - 103	12 - 9 - 2007	15 - 9 - 2007
TV-02	TN - 102	24 - 9 - 2007	5 - 10 - 2007
TV-01	TO - 012	12 - 10 - 2007	12 - 10 - 2007

Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Quan hệ có thuộc tính phức hợp.
- B. Không có thuộc tính tên người mượn.
- C. Số bản ghi quá ít.
- D. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt

Câu 28: Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

- A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ.
- B. Phần mềm Microsoft Access.
- C. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu.
- D. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ

Câu 29: Khai thác CSDL quan hệ có thể là

- A. tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết.
- B. thêm, sửa, xóa bản ghi.
- C. sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo.
- D. đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường

Câu 30: Các Hệ QTCSDL có cơ chế cho phép mấy người cùng khai thác CSDL?

- A. 0
- B. Nhiều người
- C. 2
- D. 1

Câu 31: Khi xây dựng các truy vấn trong Access, để sắp xếp các trường trong mẫu hỏi, ta nhập điều kiện vào dòng nào trong lưới QBE?

- A. Criteria
- B. Sort
- C. Field
- D. Show

Câu 32: Với một bảng dữ liệu, hệ QTCSDL không cho phép:

- A. Xem từng nhóm bản ghi, mỗi bản ghi tương ứng với một hàng
- B. Xem nội dung các bản ghi
- C. Xem đồng thời cấu trúc và nội dung bản ghi
- D. Xem từng bản ghi riêng biệt

Câu 33: Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường : STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi ta chọn khoá chính là

- A. Số báo danh
- B. STT
- C. Họ tên học sinh
- D. Phòng thi

Câu 34: Sau khi tạo liên kết giữa các bảng, có thể thực hiện công việc nào dưới đây?

- A. Tổng hợp dữ liệu từ chỉ từ 3 bảng.
- B. Tổng hợp dữ liệu từ chỉ từ 2 bảng.
- C. Tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng.
- D. Tổng hợp dữ liệu từ chỉ từ 1 bảng.

Câu 35: Trong bảng phân quyền, các quyền truy cập dữ liệu, gồm có

- A. thêm dữ liệu.
- B. xem, bổ sung, sửa, xóa và không truy cập dữ liệu.
- C. đọc dữ liệu.
- D. xem, sửa, bổ sung và xóa dữ liệu.

Câu 36: Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau.
- B. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính không quan trọng.
- C. Quan hệ có thuộc tính đa trị hay phức tạp.

D. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ quan trọng.

Câu 37: Trong các yếu tố ảnh hưởng đến bảo mật thì yếu tố nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Ý thức của con người. B. Người quản trị CSDL.
C. chính sách và pháp luật của nhà nước. D. Thiết bị máy móc.

Câu 38: Phát biểu nào dưới đây không phải là bảo mật trong hệ CSDL?

- A. Người nào cũng có thể truy cập vào cơ sở dữ liệu.
B. Hạn chế tối đa các sai sót của người dùng.
C. Ngăn chặn các truy cập không được phép.
D. Đảm bảo thông tin không bị mất hoặc bị thay đổi ngoài ý muốn

Câu 39: Hệ quản trị CSDL KHÔNG cung cấp chức năng nào sau đây?

- A. tạo lập CSDL. B. cập nhật dữ liệu cho CSDL.
C. khai thác dữ liệu của CSDL. D. tạo lập các tiện ích đọc/ghi dữ liệu của CSDL.

Câu 40: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về mẫu hỏi?

- A. Mỗi trường trên hàng Field chỉ xuất hiện đúng một lần.
B. Mỗi mẫu hỏi phải dùng hai bảng dữ liệu nguồn trở lên.
C. Thứ tự sắp xếp cần được chỉ ra ở hàng Total.
D. Lưới QBE là nơi người dùng chọn các trường để đưa vào mẫu hỏi, thứ tự sắp xếp và xác định điều kiện

Câu 41: Câu nào *sai* trong các câu dưới đây?

- A. Nên định kì thay đổi mật khẩu.
B. Hệ quản trị CSDL cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu.
C. Thay đổi mật khẩu để tăng cường khả năng bảo vệ mật khẩu.
D. Hệ quản trị CSDL không cung cấp cho người dùng cách thay đổi mật khẩu.

Câu 42: Các giải pháp cho việc bảo mật CSDL gồm có:

- A. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản, cài đặt mật khẩu.
B. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng; mã hoá thông tin và nén dữ liệu; chính sách và ý thức; lưu biên bản.
C. Nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, chính sách và ý thức, lưu biên bản.
D. Phân quyền truy cập, nhận dạng người dùng, mã hoá thông tin và nén dữ liệu, lưu biên bản.

Câu 44: Trong bảo mật hệ thống, mật khẩu và mã hoá thông tin phải tuân theo qui định nào dưới đây?

- A. Chỉ nên thay đổi một lần sau khi người dùng đăng nhập vào hệ thống lần đầu tiên.
B. Phải thường xuyên thay đổi để tăng cường tính bảo mật.
C. Không được thay đổi nhiều vì làm như thế sẽ lỗi mật khẩu.
D. Không được thay đổi để đảm bảo tính nhất quán.

Câu 45: Khi mở một báo cáo, nó được hiển thị dưới dạng

- A. chế độ xem trước khi in B. chế độ trang dữ liệu. C. chế độ thiết kế. D. chế độ biểu mẫu.

Câu 46: Mọi thao tác như xem, tạo, sửa, xóa liên kết đều được thực hiện trong cửa sổ nào sau đây?

- A. Relationship B. Design View C. Form Wizard D. Show Table

Câu 47: Để sắp xếp bảng theo thứ tự giảm dần khi đã chọn trường cần sắp xếp, thực hiện nút lệnh nào sau đây?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 48: người có chức năng phân quyền truy cập là

- A. Lãnh đạo cơ quan. B. người viết chương trình ứng dụng.
C. người dùng. D. người quản trị CSDL.

Câu 49: Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng

- A. Cột B. Bảng C. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính D. Hàng

Câu 50: SUM, AVG, MIN, MAX, COUNT trong Access được gọi là:

- A. Hằng số B. Biểu thức logic C. Phép toán logic D. Các hàm thống kê

II. TỰ LUẬN

- Thực hiện tạo bảng, đặt khóa chính, liên kết bảng, tạo mẫu hỏi, biểu mẫu, báo cáo

-

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU